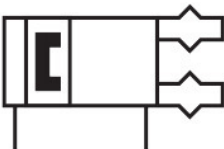


# Xy lanh kẹp loại song song HGPT-50-A-B-F

Số bộ phận: 560225

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                     | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                                   | 50                                                            |
| Hành trình trên mỗi hàm kẹp                                  | 6 mm                                                          |
| Độ chính xác trao đổi tối đa                                 | 0.2 mm                                                        |
| Bộ gắp tối đa hàm góc chơi riu, ay                           | 0.1 °                                                         |
| Khe chấu kẹp tối đa Sz                                       | 0.02 mm                                                       |
| đối xứng quay                                                | 0.2 mm                                                        |
| Độ chính xác lặp lại kẹp                                     | 0.05 mm                                                       |
| Số chấu kẹp                                                  | 2                                                             |
| Loại bộ truyền động                                          | khí nén                                                       |
| Vị trí lắp đặt                                               | bất kì                                                        |
| Nguyên tắc vận hành                                          | tác động kép                                                  |
| Chức năng kẹp                                                | Song song                                                     |
| Thiết bị an toàn lực kẹp                                     | không có                                                      |
| Cấu trúc xây dựng                                            | Mặt phẳng nghiêng<br>chuỗi chuyển động cưỡng bức              |
| Phát hiện vị trí                                             | cho các công tắc gần                                          |
| Áp suất vận hành                                             | 3 bar...8 bar                                                 |
| Áp suất vận hành khí chặn                                    | 0 bar...0.5 bar                                               |
| Tần số làm việc tối đa của kẹp                               | 2 Hz                                                          |
| Thời gian mở tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)             | 83 ms                                                         |
| Thời gian đóng tối thiểu ở 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)           | 82 ms                                                         |
| Khối lượng tối đa trên mỗi ngón tay kẹp bên ngoài            | 640 g                                                         |
| Môi chất vận hành                                            | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                        | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                         | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                        |
| Tuân thủ LABS                                                | VDMA24364-B1/B2-L                                             |
| Mức độ bảo vệ                                                | IP40                                                          |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                               | 5 °C...60 °C                                                  |
| Mở tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)                | 2370 N                                                        |
| Đóng tổng lực kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)              | 2226 N                                                        |
| Mở lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi)   | 1185 N                                                        |
| Đóng lực kẹp trên mỗi chấu kẹp ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi) | 1113 N                                                        |

| Đặc tính                                            | Giá trị                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mô-men quán tính khối lượng                         | 19.488 kgcm <sup>2</sup>                                                                                                          |
| Lực tối đa trên hàm kẹp Fz tĩnh                     | 3200 N                                                                                                                            |
| Thời điểm tối đa tại thời điểm nắm chặt hàm Mx tĩnh | 120 N m                                                                                                                           |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp My tĩnh              | 120 N m                                                                                                                           |
| Mô-men tối đa trên các hàm kẹp Mz tĩnh              | 100 N m                                                                                                                           |
| Khoảng thời gian bôi trơn các phần tử dẫn hướng     | 5 triệu lượt                                                                                                                      |
| trọng lượng sản phẩm                                | 1400 g                                                                                                                            |
| Kiểu gắn                                            | với ren trong và vòng măng xông<br>với lỗ xuyên và vòng măng sông<br>với lỗ xuyên và chốt<br>với ren trong và chốt khớp<br>tùy ý: |
| Cổng nối khí nén khí chặn                           | M5                                                                                                                                |
| Cổng nối khí nén                                    | G1/8                                                                                                                              |
| Ghi chú vật liệu                                    | Tuân thủ RoHS                                                                                                                     |
| Vật liệu nắp che                                    | thép không gỉ hợp kim cao                                                                                                         |
| Vật liệu vỏ                                         | Nhôm anot hóa                                                                                                                     |
| Hàm kẹp vật liệu                                    | Thép cứng                                                                                                                         |